

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày: 21/02/2022

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phương Anh

2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 160/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hộ kinh doanh B. Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông C, sinh năm 1994; Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh. HKTT: Thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Quảng Bình. Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã I, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2021. *(Có mặt)*.

- Đồng bị đơn: Ông D, sinh năm 1977 và bà Đ (Đ1), sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã R, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà E, sinh năm 1994. HKTT: Thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Quảng Bình. Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã I, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. *(Có đơn xin vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2021, các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh B là P, trình

bày: Vào ngày 04/10/2019, ông D và bà Đ cùng với Hộ kinh doanh B có thỏa thuận về việc mua bán thức ăn nuôi tôm nhằm mục đích cung cấp thức ăn nuôi tôm cho ông D và bà Đ để nuôi tôm và bán lại thức ăn nuôi tôm cho những hộ nuôi tôm gần đó. Đến ngày 04/3/2020, hai bên tiến hành ký kết Hợp đồng số 41/GHST/2003/HĐMB-HKD, thống nhất xác nhận tính đến ngày 04/3/2020, ông D và bà Đ còn nợ Hộ kinh doanh B tổng số tiền mua thức ăn nuôi tôm 340.938.000 đồng.

Theo thỏa thuận, Hộ kinh doanh B bán cho ông D và bà Đ thức ăn nuôi tôm. Quá trình giao nhận hàng hóa, hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên; cụ thể: Hộ kinh doanh B giao hàng cho ông D và bà Đ tại kho hàng theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông D và bà Đ nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng, bên ông D và bà Đ phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng.

Theo hợp đồng, Hộ kinh doanh B chiết khấu trên hóa đơn 7.000 đồng/kg thức ăn, nếu ông D và bà Đ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ trước ngày 20/12/2020. Trường hợp đến ngày 20/12/2020, ông D và bà Đ không thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho Hộ kinh doanh B thì ông D và bà Đ sẽ không được tính phần chiết khấu hóa đơn và chiết khấu cuối năm.

Vào ngày 14/8/2020, ông D và bà Đ tiếp tục đặt mua hàng của Hộ kinh doanh B; tổng số tiền hàng ông D và bà Đ còn nợ Hộ kinh doanh B là 627.178.000 đồng, số tiền nợ đã vượt mức công nợ tối đa cho phép là 500.000.000 đồng. Đến ngày 17/8/2020, ông D và bà Đ thanh toán cho Hộ kinh doanh B được số tiền 56.843.000 đồng; Hộ kinh doanh B tự nguyện trả tiền chiết khấu cho ông D và bà Đ số tiền 170.335.000 đồng và đã trừ khoản tiền chiết khấu này vào tổng số tiền ông D và bà Đ còn nợ nên tổng số tiền hàng ông D và bà Đ còn nợ là 400.000.000 đồng và ông D và bà Đ cam kết chậm nhất đến ngày 20/12/2020 sẽ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho Hộ kinh doanh B theo như hợp đồng đã ký kết. Đến ngày 08/12/2020, ông D và bà Đ thanh toán thêm cho Hộ kinh doanh B số tiền 10.000.000 đồng nhưng đến ngày 23/12/2020 đã quá thời hạn thanh toán theo cam kết trước đó; mặc dù, Hộ kinh doanh B đã tạo điều kiện nhưng ông D và bà Đ chỉ thanh toán thêm được số tiền 10.000.000 đồng.

Do ông D và bà Đ không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng là thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho Hộ kinh doanh B vào ngày 20/12/2020. Do vậy, Hộ kinh doanh B và ông D, bà Đ tiến hành đối chiếu công nợ; theo đó, ông D xác nhận còn nợ Hộ kinh doanh B số tiền 380.000.000 đồng. Sau nhiều lần, Hộ kinh doanh B cử nhân viên liên hệ và xuống nhà trực tiếp làm việc đề nghị thanh toán thì ông D và bà Đ chỉ thanh toán được thêm số tiền 5.000.000 đồng và ngưng thanh toán cho đến nay. Từ ngày 25/6/2021 đến nay Hộ kinh doanh B chấm dứt hợp đồng mua bán với ông D và bà Đ.

Nay Hộ kinh doanh B yêu cầu ông D và bà Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ kinh doanh B số tiền mua thức ăn tôm còn nợ là 375.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/01/2021 đến ngày 05/10/2021 theo lãi suất quy định của pháp luật 10%/năm là 25.012.500 đồng nhưng chỉ yêu cầu số tiền lãi 25.000.000 đồng; không yêu cầu ông D và bà Đ trả tiền lãi chậm trả 10% từ ngày 06/10/2021 cho đến ngày vụ án được đưa ra xét xử.

Đồng bị đơn ông D, bà Đ (Đ1) trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 12 năm 2021: Vào ngày 01/10/2019, ông D, bà Đ có ký kết hợp đồng đại lý với Hộ kinh doanh B. Hai bên thỏa thuận Hộ kinh doanh B cung cấp thức ăn tôm cho ông D, bà Đ nuôi tôm. Ông D, bà Đ có 08 công vuông nuôi tôm và còn bán lại thức ăn nuôi tôm cho những hộ nuôi tôm gần nhà nhưng ông D, bà Đ không có đăng ký kinh doanh.

Quá trình giao nhận hàng hóa, hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Hộ kinh doanh B vận chuyển thức ăn mua tôm đến nhà của ông D, bà Đ để giao cho ông D, bà Đ. Khi nhận hàng, ông D, bà Đ phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng.

Do ông D, bà Đ nuôi tôm thất thu từ tháng 08/2020 đến cuối tháng 12 năm 2020 nên ông D, bà Đ không thanh toán đủ tiền cho Hộ kinh doanh B đúng như thỏa thuận tại hợp đồng đại lý đã ký kết. Ông D, bà Đ mua thức ăn tôm của Hộ kinh doanh B rất nhiều lần, với số tiền khác nhau và ông D, bà Đ cũng có thanh toán tiền nợ cho Hộ kinh doanh B nhưng ông D, bà Đ không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Đến ngày 25/01/2021, ông D, bà Đ có ký tên vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ còn Hộ kinh doanh B số tiền 380.000.000 đồng. Sau đó, ông D, bà Đ tiếp tục mua thức ăn tôm của Hộ kinh doanh C nhưng ông D, bà Đ mua bằng hình thức trả tiền mặt, không có nợ. Đến ngày 25/6/2021, ông D, bà Đ có trả cho Hộ kinh doanh B số tiền 5.000.000 đồng và từ đó, Hộ kinh doanh B cũng chấm dứt hợp đồng mua bán với ông D, bà Đ.

Hộ kinh doanh B đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà Đ trả tiền còn nợ nhưng do ông D, bà Đ nuôi tôm thất thu nên ông D, bà Đ buộc phải giao cho Hộ kinh doanh B giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02275/QSDĐ/1560/2001, thuộc thửa đất số 737, tờ bản đồ số 03, do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho Hộ ông D để tạo niềm tin cho Hộ kinh doanh B.

Ông D và bà Đ thừa nhận hiện nay ông D và bà Đ còn nợ Hộ kinh doanh B tiền thức ăn tôm là 375.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh B thì ông D và bà Đ đồng ý trả cho Hộ kinh doanh B tổng số tiền thức ăn tôm còn nợ tạm tính đến ngày 05/10/2021 là 400.012.500 đồng; trong đó: Tiền nợ gốc là 375.000.000 đồng và tiền lãi 25.012.500 đồng và ông D, bà Đ đồng ý trả cho Hộ kinh doanh B tiền lãi phát sinh

theo quy định của pháp luật. Nhưng ông D và bà Đ yêu cầu được trả tiền còn nợ cho Hộ kinh doanh B hàng tháng cho đến khi trả dứt nợ

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn Hộ kinh doanh B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn ông D, bà Đ chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh B đối với ông D, bà Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông D, bà Đ thanh toán cho Hộ kinh doanh B tổng số tiền 400.000.000 đồng; trong đó: tiền nợ gốc 375.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ 25/01/2021 đến ngày 05/10/2021 là 25.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm, ông D, bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Hộ kinh doanh B khởi kiện yêu cầu ông D và bà Đ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng đại lý ký kết ngày 04/3/2020. Đây là tranh chấp về hợp đồng theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông D và bà Đ có địa chỉ cư trú tại ấp Q, xã R, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông D và bà Đ đã được thông đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D và bà Đ vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà Đ.

[3] Về nội dung: Ông D và bà Đ thừa nhận có ký hợp đồng đại lý ngày 04/3/2020 với Hộ kinh doanh B do ông C làm chủ hộ nhằm mua bán thức ăn nuôi tôm. Theo điểm 1.1 Điều 1 của Hợp đồng đại lý ngày 04/3/2020 thể hiện ông D, bà Đ đồng ý nhận làm đại lý cho Hộ kinh doanh B tiêu thụ các sản phẩm thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa của Công ty LDHH thức ăn thủy sản Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản do Hộ kinh doanh B kinh doanh.

Theo điểm 3.1 Điều 3 Hợp đồng đại lý ngày 04/3/2020 thể hiện ông D và bà Đ được hưởng chiết khấu 7.000 đồng/kg thức ăn so với bảng giá mà Hộ kinh doanh B cung cấp nếu ông D, bà Đ thanh toán toàn bộ công nợ trước ngày 20/12/2020. Trong quá trình giao dịch ông D và bà Đ không thanh toán đầy đủ công nợ cho Hộ kinh doanh B. Vào ngày 25/01/2021 ông D ký xác nhận công nợ thừa nhận còn nợ Hộ kinh doanh B số tiền 380.000.000 đồng. Đến ngày 25/6/2021, ông D và bà Đ trả cho Hộ kinh doanh B số tiền 5.000.000 đồng và cùng từ thời gian này hai bên đã chấm dứt hợp đồng đại lý với nhau.

[4] Việc ông D và bà Đ thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho Hộ kinh doanh B số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 375.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện được đồng bị đơn ông D, bà Đ thừa nhận nên Hộ kinh doanh B không phải chứng minh, theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông D và bà Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 375.000.000 đồng cho Hộ Kinh doanh B. Tuy nhiên, ông D và bà Đ đồng ý trả nợ nhưng yêu cầu trả hàng tháng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của ông D và bà Đ không thuộc thẩm quyền của Toà án. Về phương thức trả nợ và thời hạn thanh toán, Hộ kinh doanh B và ông D, bà Đ sẽ tự thỏa thuận giai đoạn thi hành án.

[5] Đối với yêu cầu tính tiền lãi suất bằng 10%/năm của Hộ kinh B đối với ông D, bà Đ trên số tiền gốc là 375.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 3 Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông D, bà Đ vi phạm hợp đồng từ ngày 20/12/2020 và hai bên đối chiếu công nợ từ ngày 25/01/2021 nên Hộ kinh doanh B yêu cầu tính lãi suất số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ từ ngày 25/01/2021 đến ngày 05/10/2021 là có cơ sở nên được chấp nhận, buộc ông D, bà Đ có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho Hộ kinh doanh B từ ngày 25/01/2021 đến ngày 05/10/2021 là 08 tháng 10 ngày x 375.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 25.012.500 đồng nhưng Hộ kinh doanh B chỉ yêu cầu số tiền lãi 25.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc, lãi là 400.000.000 đồng.

Tại phiên toà, Hộ kinh doanh B có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh B đối với ông D và bà Đ về số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/10/2021 đến ngày xét xử theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở yêu cầu của Hộ kinh doanh B, Hội đồng xét xử xét thấy việc Hộ kinh doanh B rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh B đối với ông D và bà Đ về số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh B đối với ông D, bà Đ được Toà án chấp nhận toàn bộ nên ông D và bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho Hộ kinh doanh B là 20.000.000 đồng (400.000.000 đồng x 5%) theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hộ kinh doanh B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hộ kinh doanh B đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.000.313 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000719 ngày 23/11/2021 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, Điều 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh B đối với ông D và bà Đ (Đ1) về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2. Buộc ông D và bà Đ (Đ1) có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ kinh doanh B số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); trong đó: tiền nợ gốc là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh B đối với ông D và bà Đ (Đ1) về việc yêu cầu ông D và bà Đ (Đ1) trả cho Hộ kinh doanh B số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông D và bà Đ (Đ1) phải nộp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Hộ kinh doanh B đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.000.313 đồng (Mười triệu không trăm lẻ không nghìn ba trăm mười ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000719 ngày 23/11/2021 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Dương Hồng Chi